

HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA CHILÊ NGÀY 16 THÁNG 9 NĂM 1999
VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẤN NHAU

*Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Chilê
(sau đây gọi là "các Bên ký kết");*

Mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế vì lợi ích của hai nước;

*Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên
ký kết trên lãnh thổ của bên ký kết kia;*

*Nhận thấy sự cần thiết khuyến khích và bảo hộ đầu tư nước ngoài vì lợi ích kinh
tế của hai Bên ký kết;*

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Định nghĩa

Theo tinh thần của Hiệp định này:

Thuật ngữ "nhà đầu tư" sẽ được hiểu là các chủ thể sau đây tiến hành hoạt động đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với Hiệp định này:

Bất kỳ một thể nhân nào, phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó, được coi là công dân của Bên ký kết đó;

Pháp nhân bao gồm công ty, tổ chức, hiệp hội kinh doanh hay bất kỳ tổ chức nào được thành lập một cách pháp phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó, có trụ sở và đang hoạt động kinh tế hiệu quả trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

Thuật ngữ "đầu tư" chỉ những tài sản hoặc những quyền liên quan tới tài sản phù hợp với luật và qui định của Bên ký kết mà tại lãnh thổ nước này nó được thực hiện và bao gồm cụ thể, nhưng không chỉ là:

Động sản và bất động sản, quyền tài sản cũng như các quyền sở hữu khác, như thế chấp, cầm cố;

Những cổ phần, cổ phiếu và bất kỳ hình thức nào khác tham gia trong công ty;

Chứng từ đòi tiền hoặc bất kỳ sự thực hiện nào có giá trị kinh tế;

Các quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp, bao gồm quyền bản quyền, sáng chế, nhãn hiệu thương mại, tên thương mại, quy trình công nghệ, bí quyết kỹ thuật và uy tín kinh doanh;

Tô nhượng theo pháp luật, theo quy định hành chính và theo hợp đồng bao gồm tô nhượng về thăm dò, tìm kiếm, nuôi trồng hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Bất kỳ sự thay đổi về hình thức đầu tư đối với tài sản tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng tới tính chất của chúng là đầu tư, miễn là sự thay đổi đó không trái với pháp luật của Bên ký kết mà trên lãnh thổ của nước đó đầu tư được thực hiện.

Thuật ngữ "lãnh thổ" bao gồm, toàn bộ vùng đất, vùng biển và vùng trời thuộc chủ quyền của mỗi Bên ký kết, vùng biển và dưới biển mà tại đó Bên ký kết thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật và Luật Quốc tế.

Điều 2

Phạm vi áp dụng

Những quy định của Hiệp định này sẽ áp dụng đối với những đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên ký kết thực hiện trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực và phù hợp với quy định pháp luật của Bên ký kết kia. Tuy nhiên, Hiệp định này không áp dụng đối với phát sinh trước khi Hiệp định này có hiệu lực hoặc những tranh chấp trực tiếp liên quan đến những sự kiện xảy ra trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 3

Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

Mỗi Bên ký kết tùy thuộc vào chính sách chung về đầu tư nước ngoài của mình sẽ khuyến khích đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình và chấp thuận việc đầu tư đó phù hợp với những quy định pháp luật của mình.

Mỗi Bên ký kết sẽ bảo hộ đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình phù hợp với pháp luật và những quy định của nước đó và sẽ không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng, mở rộng, bán và thanh lý đầu tư bằng các biện pháp bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử.

Điều 4

Đối xử đầu tư

Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo đối xử công bằng và thoả đáng đối với những đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình và sẽ đảm bảo việc thực hiện quyền đã được công nhận không bị hạn chế ttrong thực tế.

Mỗi Bên ký kết sẽ giành cho những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho đầu tư của các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

Nếu một Bên ký kết giành ưu đãi đặc biệt cho các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào theo một hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung, liên minh kinh tế hay bất kỳ hình thức tổ chức kinh tế khu vực nào khác hoặc một hiệp định quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mậu dịch biên giới mà Bên ký kết đó đang hoặc sẽ là thành viên, hoặc theo các điều khoản của một hiệp định liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu về thuế, thì Bên ký kết đó không có nghĩa vụ bắt buộc phải dành những ưu đãi đó cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

Điều 5

Việc chuyển ra nước ngoài

Mỗi Bên ký kết, trên cơ sở luật và quy định của mình, cho phép các nhà đầu tư của Bên ký kết kia chuyển ra nước ngoài những khoản liên quan tới đầu tư của họ không chậm trễ bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, cụ nhưng không chỉ là:

Tiền lãi, lãi cổ phần, vốn, lợi nhuận, và các thu nhập khác;

Các khoản trả tiền vay nước ngoài liên quan tới đầu tư;

Vốn hoặc số tiền thu được từ bán toàn bộ hoặc một phần hoặc thanh lý đầu tư;

Số tiền thu được từ việc giải quyết tranh chấp, bồi thường và bồi hoàn phù hợp với Hiệp định này.

Vốn đầu tư chỉ có thể chuyển ra nước ngoài sau một năm kể từ khi đầu tư vào lãnh thổ của Bên ký kết, trừ khi pháp luật của Bên ký kết này quy định đối xử ưu đãi hơn.

Việc chuyển đổi chỉ được áp dụng theo tỉ giá hối đoái hiện hành tại thời chuyển đổi, phù hợp với quy định pháp luật của Bên ký kết nơi chấp nhận đầu tư.

Việc chuyển tiền coi như được thực hiện "không chậm trễ" nếu được tiến hành trong thời hạn hợp lý để hoàn thành thủ tục chuyển tiền của Bên ký kết. Thời hạn trên không làm ảnh hưởng tới nội dung của các quyền được quy định tại điều này.

Điều 6

Tước đoạt quyền sở hữu và bồi hoàn

Không một Bên ký kết nào được áp dụng bất kỳ biện pháp tước đoạt quyền sở hữu, quốc hữu hoá hoặc bất kỳ sự tước quyền chiếm giữ nào có hậu quả tương tự như quốc hữu hoá hay tước quyền sở hữu đối với đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia, trừ các điều kiện sau:

Biện pháp áp dụng vì mục đích công cộng và theo đúng thủ tục pháp luật;

Các biện pháp không phân biệt đối xử;

Các biện pháp được kèm theo những quy định về việc trả tiền bồi hoàn ngay lập tức, đầy đủ và hiệu quả.

Việc bồi thường phải tương xứng với giá thị trường của đầu tư ngay trước khi việc tước đoạt quyền sở hữu xảy ra hoặc được phổ biến rộng rãi và phải được trả không chậm trễ. Khoản bồi thường bao gồm cả lãi tính trên cơ sở LIBOR từ ngày tước đoạt quyền sở hữu. Việc bồi thường phải được thực hiện có hiệu quả và tự do chuyển ra nước ngoài.

Các nhà đầu tư bị thiệt hại do việc quốc hữu hoá, tước đoạt quyền sở hữu hay bất kỳ biện pháp có hậu quả tương tự và có thể khiếu nại về khoản bồi hoàn đối với toà án của Bên ký kết thực hiện các biện pháp đó

Điều 7

Bồi thường thiệt hại

Các nhà đầu tư mỗi Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia chịu thiệt hại và tổn thất do chiến tranh, xung đột vũ trang, tình trạng khẩn cấp quốc gia, bạo động dân sự hay các sự kiện tương tự khác trên lãnh thổ Bên ký kết kia sẽ được đền

bù, bồi thường, bồi hoàn hoặc bằng các biện pháp khác mà sự đối xử này không kém hơn so với các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

Điều 8

Thế quyền

Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan đại diện có thẩm quyền của Bên ký kết đó dành một hợp đồng bảo hiểm hoặc bất kỳ hình thức đảm bảo tài chính nào khác đối với những rủi ro phi thương mại liên quan tới đầu tư của các nhà đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận quyền của Bên ký kết đó được thế quyền các quyền của nhà đầu tư, khi Bên ký kết đó đã thanh toán theo hợp đồng hoặc bảo đảm tài chính đó.

Nếu một Bên ký kết đã thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Bên ký kết đó và do vậy đã thực hiện các quyền và khiếu nại đối với Bên ký kết kia, trừ khi được Bên ký kết này uỷ quyền.

Điều 9

Giải quyết tranh chấp giữa Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia

Những tranh chấp phát sinh theo quy định của Hiệp định này, giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia đã đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết đó sẽ trong chừng mực có thể được giải quyết bằng thương lượng.

Nếu việc thương lượng đó không đem lại hiệu quả trong vòng 4 tháng kể từ ngày có yêu cầu giải quyết, thì nhà đầu tư có thể lựa chọn đưa tranh chấp ra giải quyết tại:

Toà án có thẩm quyền của Bên ký kết nơi đầu tư được thực hiện; hoặc

Trung tâm Quốc tế giải quyết tranh chấp về đầu tư (ICSID) phù hợp với các quy định của Công ước giải quyết tranh chấp về đầu tư giữa một Nhà nước và công dân của Nhà nước kia được mở ra để ký tại Washington D.C ngày 18 tháng 3 năm 1965 trong trường hợp cả hai Bên ký kết là thành viên của Công ước, hoặc

Một trọng tài ad hoc được thành lập theo quy tắc trọng tài của Ủy ban LHQ về Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL) trừ khi các bên có sự thoả thuận khác.

Mỗi Bên ký kết đồng ý không huỷ ngang đưa bất kỳ một tranh chấp nào thuộc loại này ra bất kỳ toà án trọng tài nêu tại khoản (b) và (v) trên đây.

Một khi nhà đầu tư đã đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền của Bên ký kết nơi đầu tư được thực hiện hoặc bất kỳ tới toà án trọng tài nào được đề cập trên đây, thì sự lựa chọn đó là cuối cùng.

Các phán quyết của trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với các bên và sẽ được thi hành phù hợp với luật pháp của Bên ký kết nơi đầu tư được thực hiện.

Các Bên ký kết không can thiệp bằng con đường ngoại giao vào vấn đề liên quan đến các vụ tranh chấp đã đưa ra giải quyết tại toà án trong nước và trọng tài quốc tế phù hợp với Điều này trong suốt quá trình tố tụng, trừ khi Bên ký kết không tuân thủ và thi hành phán quyết của toà án và quyết định của trọng tài.

Điều 10

Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết

Những bất đồng có thể phát sinh giữa các Bên ký kết liên quan tới việc giải thích và áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

Nếu sự thoả thuận không đạt được trong vòng sáu tháng kể từ khi có thông báo về sự bất đồng, thì các Bên ký kết có thể đưa sự bất đồng đó ra trọng tài ad hoc mà trọng tài này được thành lập phù hợp với những quy định của Điều này.

Toà án trọng tài sẽ được thành lập bởi ba thành viên và được tổ chức như sau: Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu đưa vụ tranh chấp ra trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một trọng tài. Hai trọng tài này trong vòng hai tháng sẽ chỉ định công dân của nước thứ ba làm chủ tịch toà án trọng tài. Trong vòng hai tháng, các Bên ký kết sẽ phê duyệt việc bổ nhiệm Chủ tịch trọng tài này.

Nếu trong thời hạn nêu tại khoản 3 Điều này mà sự chỉ định cần thiết và yêu cầu phê duyệt không thực hiện được thì một trong các Bên ký kết có thể đề nghị Chủ tịch Toà án Quốc tế tiến hành việc chỉ định, nhưng nếu vị Chủ tịch là công dân của một trong các Bên ký kết hoặc nếu vì cản trở nào khác không thể thực hiện được chức năng như đã nói ở trên, thì phó Chủ tịch sẽ được tiến hành việc chỉ định đó. Nếu phó Chủ tịch cũng là công dân của một trong các Bên ký kết hoặc vì cản trở nào khác mà không thực hiện được chức năng như đã nói ở trên, thì thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án Quốc tế, người mà không phải công dân bất kỳ Bên ký kết nào sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định cần thiết.

Chủ tịch trọng tài là công dân của nước thứ ba mà có quan hệ ngoại giao với cả hai Bên ký kết.

Toà án trọng tài sẽ quyết định trên cơ sở các quy định của Hiệp định này, các nguyên tắc của Luật Quốc tế về vấn đề này và các nguyên tắc chung của Luật mà được các Bên ký kết công nhận. Toà án trọng tài quyết định theo đa số và quy định thủ tục tố tụng riêng của mình.

Mỗi Bên ký kết phải trả chi phí cho trọng tài do mình chỉ định và những chi phí của họ trong quá trình tố tụng. Chi phí trả cho Chủ tịch và các chi phí khác sẽ được các Bên ký kết chịu bằng nhau trừ khi có sự thoả thuận khác.

Phán quyết của trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai Bên ký kết.

Điều 11

Trao đổi ý kiến

Các Bên ký kết sẽ trao đổi ý kiến về những vấn đề liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này.

Điều 12

Các điều khoản cuối cùng

Các Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau khi đã hoàn tất các thủ tục theo luật định để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ hết hiệu lực sau 60 ngày kể từ khi có thông báo sau cùng.

Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn 10 năm, và sẽ tiếp tục có hiệu lực, trừ khi hết hiệu lực phù hợp với quy định tại khoản 3 của Điều này.

Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng việc thông báo cho bên kia bằng văn bản trước một năm vào cuối thời hạn 10 năm đầu hoặc bất kỳ thời gian nào sau đó.

Liên quan tới việc đầu tư được thực hiện trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực, thì những quy định của Hiệp định này tiếp tục có hiệu lực thêm mười năm nữa kể từ ngày hết hiệu lực của Hiệp định.

Để làm chứng cho những điều trên đây, những người ký tên dưới đây được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại San-ti-a-gô đê Chi-lê ngày 16 tháng 9 năm 1999 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Tây ban nha và tiếng Anh; tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau giữa các văn bản thì sẽ dùng bản tiếng Anh để quyết định.